

MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG



Nguyễn Minh Thiên Hoàng

Trung tâm Thông tin và Chương trình Giáo dục

Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG:	4
I.1. Một số khái niệm:	4
I.2. Mục đích của dạy học tích cực:	6
I.3. Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực là như thế nào?	8
II. MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC:	9
II.1. Các kỹ thuật tổ chức hoạt động nhóm	9
II.1.1. Kỹ thuật động não – Brainstorming	9
II.1.2. Kỹ thuật thảo luận viết – Brain writing	11
II.1.3. Kỹ thuật động não không công khai	12
II.1.4. Kỹ thuật tia chớp	13
II.1.5. Sơ đồ tư duy	14
II.1.6. Kỹ thuật XYZ (Còn gọi là kỹ thuật 635)	16
II.1.7. Kỹ thuật bể cá	17
II.1.8. Kỹ thuật khăn phủ bàn	19
II.1.9. Kỹ thuật mảnh ghép (Jigsaw)	20
II.1.10. Kỹ thuật ổ bi (Doughnut)	22
II.1.11. Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi (Think-Pair-Share)	24
II.2. Các kỹ thuật tổ chức hoạt động cá nhân	25
II.2.1. Kỹ thuật Kipling (5W1H)	25
II.2.2. Kỹ thuật KWL	27

II.2.3. Kỹ thuật 3-2-1	30
II.2.4. Kỹ thuật động não ABC	31
II.3. Các kỹ thuật tổ chức thu thập thông tin phản hồi	32
II.3.1. Kỹ thuật 3 lần 3	32
II.3.2. Kỹ thuật khảo sát (Survey)	33
III. TÀI LIỆU THAM KHẢO	34

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

Luật Giáo dục năm 2005 nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực (Luật giáo dục 2005 – điều 28). Trong việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực thì phương pháp học của học sinh là mối quan tâm hàng đầu.

Từ đó, vấn đề quan trọng không chỉ là “Học sinh nên biết gì” mà thêm vào đó là “Điều gì xảy ra với học sinh” khi các em tham gia vào quá trình học tập. Giáo viên cần quan tâm đến quá trình học tập, đến việc xây dựng kiến thức của người học. Khi lấy người học làm trung tâm, giáo viên cần xác định thế nào là quá trình học tập hiệu quả nhất. Trên cơ sở đó, giáo viên điều chỉnh các hoạt động dạy học sao cho phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu của người học. Điều này đòi hỏi giáo viên có một cách nhìn nhận mới, cách suy nghĩ mới về công việc, về mối quan hệ của giáo viên với học sinh và những vấn đề liên quan.[1]

I.1. Một số khái niệm:

Phương pháp dạy học (PPDH) là khái niệm cơ bản của lý luận dạy học, nhưng đến nay vẫn còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và thống nhất trong cách định nghĩa, phân loại cũng như xác định mô hình cấu trúc của PPDH.

Khái niệm PPDH có thể hiểu theo nghĩa rộng là những hình thức và cách thức hoạt động của giáo viên và học sinh trong những điều kiện dạy học xác định nhằm đạt được mục tiêu dạy học. [2]

Các nghiên cứu về lý luận dạy học thường đề cập đến 3 cấp độ của PPDH: Quan điểm dạy học (QĐDH) – Phương pháp dạy học – Kỹ thuật dạy học (KTDH). [2]

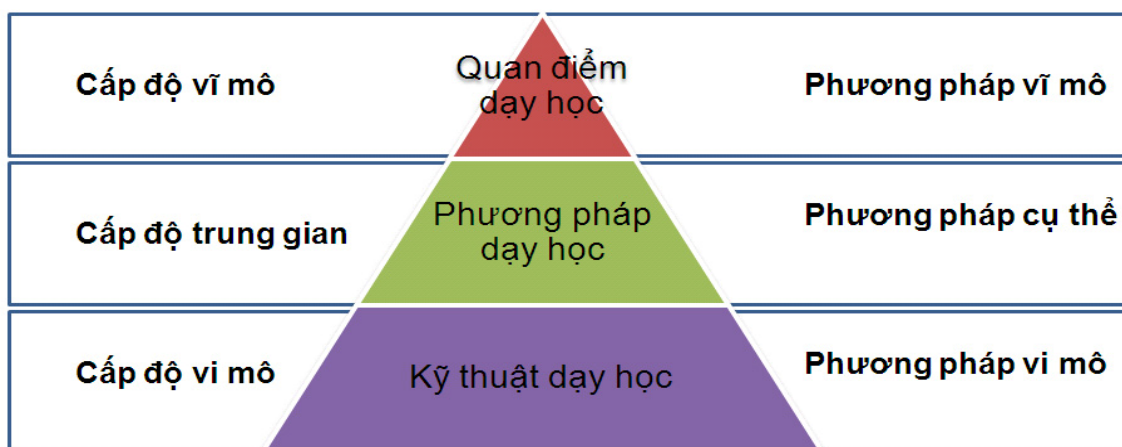
Quan điểm dạy học: Là những định hướng tổng thể cho các hành động phương pháp, trong đó có sự kết hợp giữa nguyên tắc dạy học làm nền tảng, những cơ sở lý thuyết của lý luận dạy học đại cương hay chuyên ngành, những điều kiện dạy học và tổ chức cũng như những định hướng mang tính chiến lược dài hạn, có tính cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của PPDH. Tuy nhiên các quan điểm dạy học

chưa đưa ra những mô hình hành động cũng như những hình thức xã hội cụ thể của phương pháp. [2]

Phương pháp dạy học (PPDH): Khái niệm PPDH ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp, đó là các PPDH, các mô hình hành động cụ thể. PPDH cụ thể là những cách thức hành động của giáo viên và học sinh nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với những nội dung và điều kiện dạy học cụ thể. PPDH cụ thể bao gồm những phương pháp chung cho nhiều môn và các phương pháp đặc thù bộ môn [2]. Bên cạnh các phương pháp truyền thống quen thuộc như thuyết trình, đàm thoại, trực quan, làm mẫu, có thể kể một số phương pháp khác như: phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp học tập theo tra cứu, phương pháp dạy học dự án...

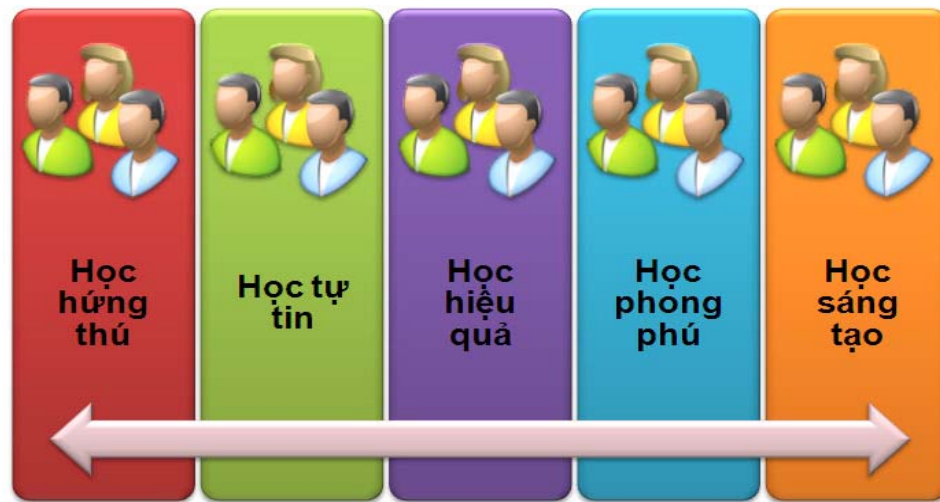
Kỹ thuật dạy học (KTDH): Là những động tác, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các KTDH chưa phải là các PPDH độc lập. Bên cạnh các KTDH thường dùng, có thể kể đến một số KTDH phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học như: Kỹ thuật công não, kỹ thuật thông tin phản hồi, kỹ thuật bể cá, kỹ thuật tia chớp...[2].

Tuy nhiên, việc phân định cấp độ chỉ mang tính tương đối, mối quan hệ trên có thể được thể hiện qua sơ đồ sau:



I.2. Mục đích của dạy học tích cực:

Tổ chức dạy học tích cực nhằm xây dựng môi trường giúp học sinh có thể:



Tuy nhiên, trên thực tế, không có phương pháp nào là phương pháp hoàn toàn thụ động hay hoàn toàn tích cực, cũng như không có phương pháp nào là tối ưu. Đổi mới phương pháp dạy học không có nghĩa là gạt bỏ các phương pháp truyền thống, mà vấn đề là giáo viên có bản lĩnh nghề nghiệp, phối hợp khéo léo các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực và sáng tạo của học sinh, giúp các em được rèn luyện tốt các kỹ năng của người học sinh thời hiện đại, đó là:

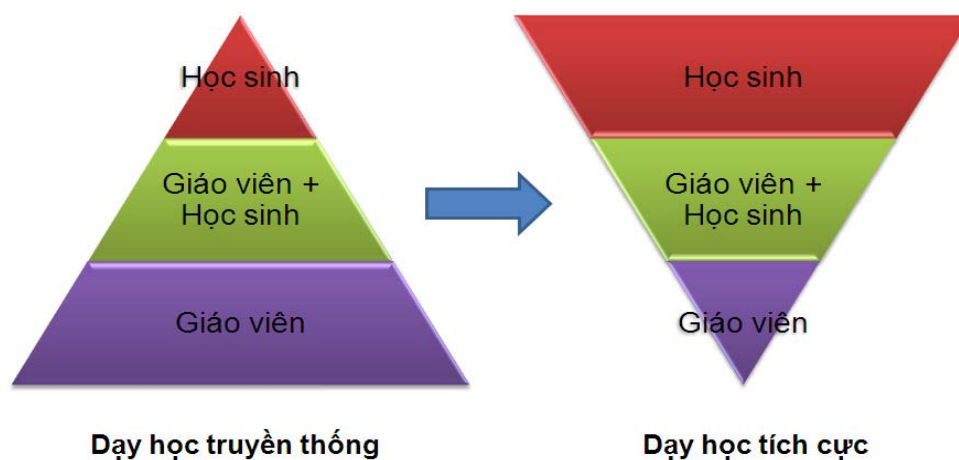
- **Trách nhiệm giải trình và khả năng thích nghi** – Thực hiện bốn phận cá nhân và linh động trong các hoàn cảnh cụ thể, ở nơi làm việc và với cộng đồng; đặt ra và đáp ứng các tiêu chuẩn và mục tiêu cao cho bản thân và cho người khác, chấp nhận những điều chưa rõ ràng.
- **Các kỹ năng giao tiếp** – Hiểu, quản lý và tạo ra mối quan hệ giao tiếp nói, viết và đa phương tiện hiệu quả dưới nhiều hình thức và bối cảnh khác nhau.

- **Tính sáng tạo và ham hiểu biết tri thức** – Phát triển, thực hiện và trao đổi các ý tưởng mới với người khác, luôn cởi mở và đáp ứng tích cực với ý tưởng mới và đa dạng.
- **Tư duy phản biện và tư duy hệ thống** – Sử dụng lập luận có cơ sở để hiểu và thực hiện những lựa chọn phức tạp, hiểu mối quan hệ qua lại giữa các hệ thống.
- **Các kỹ năng xử lý thông tin và truyền thông** – Phân tích, tra cứu, quản lý, tích hợp, đánh giá và tạo ra thông tin bằng nhiều hình thức và phương tiện truyền thông khác nhau.
- **Những kỹ năng giao tiếp và cộng tác** – Thể hiện tinh thần làm việc đồng đội và khả năng lãnh đạo; thích nghi với các vai trò và trách nhiệm khác nhau; làm việc với người khác một cách hiệu quả; biết cảm thông; tôn trọng các ý kiến đa dạng.
- **Nhận biết, hệ thống hóa và giải quyết vấn đề** – Có khả năng hệ thống hóa, phân tích và giải quyết vấn đề.
- **Tự định hướng** – Nắm được những nhu cầu hiểu biết và học tập của chính mình, xác định được các nguồn tài nguyên thích hợp, biết chuyên kiến thức, kỹ năng từ lĩnh vực đã biết thành nền tảng để khám phá lĩnh vực mới.
- **Trách nhiệm xã hội** – Luôn ứng xử có trách nhiệm, quan tâm đến cộng đồng lớn hơn; chứng tỏ lối cư xử đạo đức trong những bối cảnh riêng tư, ở nơi làm việc và trong cộng đồng. [3]

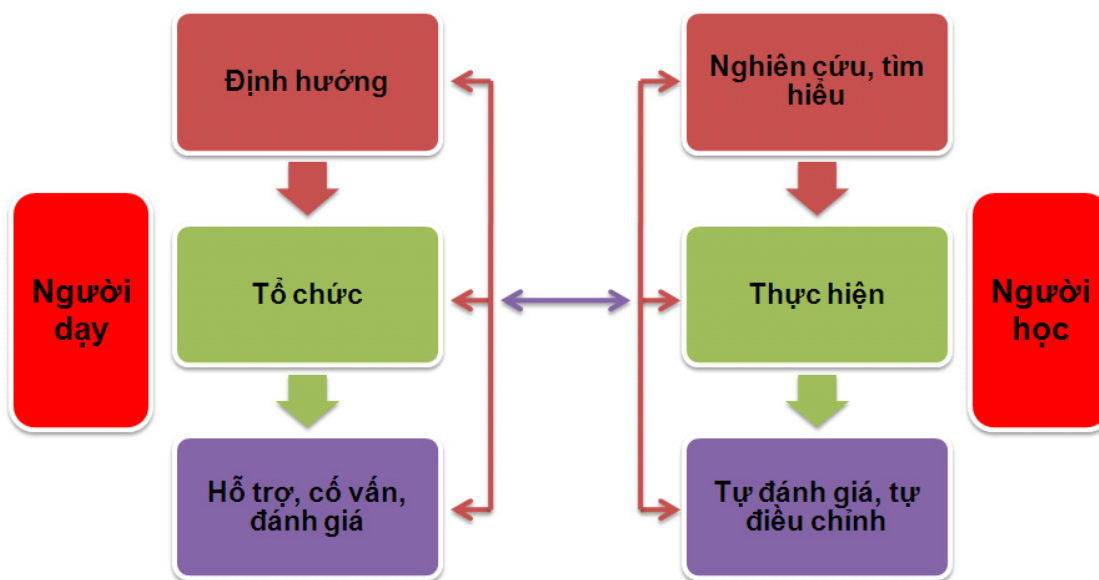
I.3. Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực là như thế nào?

Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực chính là phát huy được tính tích cực trong nhận thức của học sinh. Trong dạy học tích cực, học sinh là chủ thể của mọi hoạt động, giáo viên chỉ đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn.

Sự chuyển biến về hoạt động trong lớp học có thể thể hiện qua sơ đồ sau:



Hoạt động của giáo viên và học sinh trong dạy học tích cực được thể hiện ở sơ đồ sau:



II. MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC:

II.1. Các kỹ thuật tổ chức hoạt động nhóm

II.1.1. Kỹ thuật động não – Brainstorming

Giới thiệu

Năm 1941, Alex Osborn đã miêu tả động não như là *Một kỹ thuật hội ý bao gồm một nhóm người nhằm tìm ra lời giải cho vấn đề đặc trưng bằng cách góp nhặt tất cả ý kiến của nhóm người đó nảy sinh trong cùng một thời gian theo một nguyên tắc nhất định.*

Động não hay Công não (*Brainstorming*) là một phương pháp đặc sắc dùng để phát triển nhiều giải pháp sáng tạo cho một vấn đề. Phương pháp này hoạt động bằng cách nêu các ý tưởng tập trung trên vấn đề, từ đó rút ra rất nhiều giải pháp căn bản cho nó.

Các ý niệm/hình ảnh về vấn đề trước hết được nêu ra một cách rất phóng khoáng và ngẫu nhiên theo dòng suy nghĩ càng nhiều, càng đủ càng tốt. Các ý kiến có thể rất rộng và sâu cũng như không giới hạn bởi các khía cạnh nhỏ nhất nhất của vấn đề mà những người tham gia nghĩ tới.

Trong động não thì vấn đề được đào bới từ nhiều khía cạnh và nhiều cách nhìn khác nhau. Sau cùng các ý kiến sẽ được phân nhóm và đánh giá. [4]

Dụng cụ:

- Tốt nhất là các bảng hoặc giấy khổ lớn để mọi người dễ đọc các ý kiến, hoặc có thể thay thế bằng giấy viết.
- Có thể sử dụng hệ thống máy tính kết nối mạng để tiến hành động não.



**Alex Osborn
(1888 – 1966)**

Thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm, các nhóm tự chọn nhóm trưởng và thư ký.
- Giao vấn đề cho nhóm.
- Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận chung của cả nhóm trong một thời gian quy định, các ý kiến đều được thư ký ghi nhận, khuyến khích thành viên đưa càng nhiều ý kiến càng tốt.
- Cả nhóm cùng lựa chọn giải pháp tối ưu, thu gọn các ý tưởng trùng lặp, xóa những ý không phù hợp, sau cùng thư ký báo cáo kết quả.

Lưu ý:

- Trong quá trình thu thập ý kiến, không được phê bình hay nhận xét – cần xác định rõ: Không có câu trả lời nào là sai.

Ưu điểm:

- Dễ thực hiện, không mất nhiều thời gian.
- Huy động mọi ý kiến của thành viên, tập trung trí tuệ.
- Do không được phép đánh giá trong quá trình thu thập ý kiến, nên mọi ý kiến đều được ghi nhận, từ đó khuyến khích các thành viên nhóm tham gia hoạt động.

Hạn chế:

- Rất dễ gây tình trạng lạc đề nếu chủ đề không rõ ràng.
- Việc lựa chọn các ý kiến tốt nhất có thể sẽ mất thời gian.
- Nếu nhóm trưởng không đủ bản lĩnh sẽ gây ra tình trạng một số thành viên nhóm quá năng động nhưng một số khác không tham gia.

II.1.2. Kỹ thuật thảo luận viết – Brain writing

Giới thiệu:

Thảo luận viết (Brain writing) là một biến thể của Động não, tuy nhiên, trong thảo luận viết, từng thành viên trình bày ý kiến của mình trên giấy trước khi gọi kết quả về cho thư ký của nhóm. [4]

Dụng cụ:

- Mỗi thành viên có giấy và bút riêng để viết ra ý tưởng của mình.

Thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm, giao vấn đề cho nhóm.
- Quy định thời gian viết cá nhân trước khi thu thập ý kiến.
- Sau khi thu thập ý kiến, cả nhóm cùng nhau duyệt toàn bộ, sau đó lựa chọn giải pháp tối ưu để thư ký báo cáo kết quả.

Lưu ý:

- Trong quá trình phát triển ý kiến, được phép tham khảo ý kiến của các bạn khác cùng nhóm để phát triển ý tưởng.

Ưu điểm:

- Thu thập được nhiều ý kiến, do người viết cảm thấy không phải “tranh luận” về ý kiến của mình.
- Các ý kiến thường có giá trị cao, do người ta có xu hướng suy nghĩ kỹ trước khi viết ra giấy.

Hạn chế:

- Cần dành nhiều thời gian cho hai hoạt động: Viết cá nhân và đánh giá toàn bộ ý kiến.

II.1.3. Kỹ thuật động não không công khai

Giới thiệu:

Động não không công khai là một hình thức biến đổi của thảo luận viết, mỗi thành viên của nhóm cũng viết ra ý nghĩ của mình để giải quyết vấn đề, tuy nhiên không công khai và không tham khảo người khác, sau đó nhóm mới tiến hành thảo luận chung. [6]

Dụng cụ:

- Giấy bút cho các thành viên của nhóm.

Thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, quy định thời gian làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề trước khi thảo luận nhóm.
- Sau khi hoàn tất làm việc cá nhân, lần lượt từng người trình bày ý kiến.
- Bắt đầu thảo luận khi tất cả thành viên đã trình bày xong ý kiến.

Lưu ý:

- Trong quá trình động não cá nhân không được tham khảo ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

Ưu điểm:

- Có thể áp dụng bất cứ thời điểm nào.
- Hữu ích khi sử dụng để thu thập thông tin phản hồi.

Hạn chế:

- Ý kiến có thể mang tính cảm tính, lan man hoặc tiêu tiết.
- Một số thành viên có thể sẽ không tham gia do không quen suy nghĩ nhanh.

II.1.4. Kỹ thuật tia chớp

Giới thiệu:

Kỹ thuật tia chớp là một kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (như chớp!) ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề. [6]

Dụng cụ:

- Giấy bút cho thư ký của nhóm.

Thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, quy định thời gian phát biểu của từng thành viên (Ví dụ mỗi thành viên có 30 giây để nói).
- Lần lượt từng người nói suy nghĩ của mình, tuân thủ đúng quy định về thời gian, chỉ được nói ngắn gọn 1 – 2 câu.
- Bắt đầu thảo luận khi tất cả thành viên đã trình bày xong ý kiến.

Lưu ý:

- Suy nghĩ thật nhanh và đưa ra ý kiến ngắn gọn.

Ưu điểm:

- Có thể áp dụng bất cứ thời điểm nào.
- Hữu ích khi sử dụng để thu thập thông tin phản hồi.

Hạn chế:

- Các ý kiến thường ngắn gọn, không đi sâu phân tích hoặc ví dụ minh họa.

II.1.5 Sơ đồ tư duy

Giới thiệu:

Sơ đồ tư duy là một hình thức ghi chép có thể sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Nhờ sự kết nối giữa các nhánh, ý tưởng được liên kết, do vậy bao quát được phạm vi sâu rộng. [1].

Kỹ thuật sơ đồ tư duy do Tony Buzan đề xuất, xuất phát từ cơ sở sinh lý thần kinh về quá trình tư duy: Não trái đóng vai trò thu thập các dữ liệu mang tính logic như số liệu, não phải đóng vai trò thu thập dữ liệu như hình ảnh, nhịp điệu, màu sắc, hình dạng v.v...



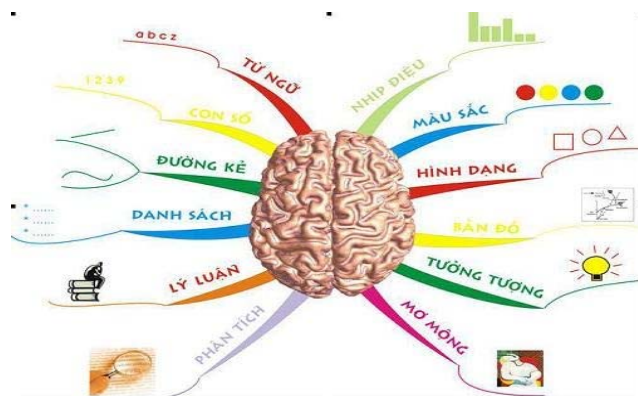
**Anthony "Tony"
P.Buzan**

Dụng cụ:

- Bảng lớn, hoặc giấy khổ lớn, bút càng nhiều màu càng tốt, có thể sử dụng các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy.

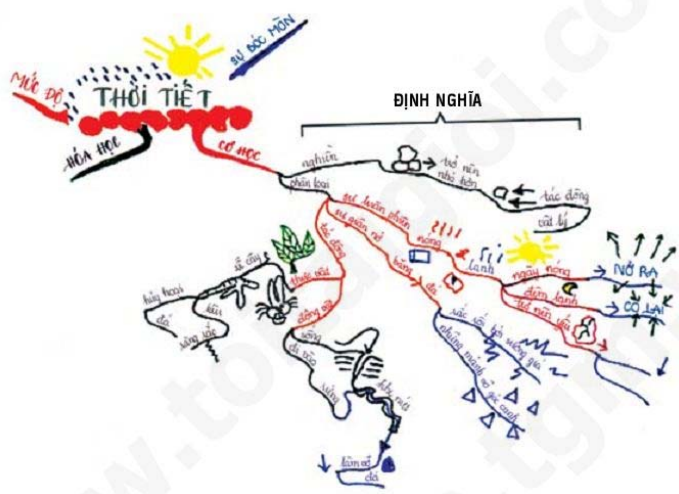
Thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, mỗi thành viên lần lượt kết nối ý tưởng trung tâm đến ý tưởng của cá nhân, mô tả ý tưởng thông qua hình ảnh, biểu tượng hoặc một vài ký tự ngắn gọn. Ví dụ:



Lưu ý:

- Có nhiều cách tổ chức thông tin theo sơ đồ: Sơ đồ thứ bậc, sơ đồ mạng, sơ đồ chuỗi v.v. Giáo viên cần để học sinh tự lựa chọn sơ đồ mà các em thích.
- Giáo viên cần đưa câu hỏi gợi ý để thành viên nhóm lập sơ đồ.
- Khuyến khích sử dụng biểu tượng, ký hiệu, hình ảnh và văn bản tóm tắt. Ví dụ:



Ưu điểm:

- Khi vẽ sơ đồ tư duy, học sinh học được quá trình tổ chức thông tin, ý tưởng cũng như giải thích được thông tin và kết nối thông tin với cách hiểu biết của mình.
- Phù hợp tâm lý học sinh, đơn giản, dễ hiểu.
- Rất thích hợp cho các nội dung ôn tập, liên kết lý thuyết với thực tế.

Hạn chế:

- Các sơ đồ giấy thường khó lưu trữ, thay đổi, chỉnh sửa.
- Sơ đồ do học sinh tự xây dựng sẽ giúp học sinh nhớ bài tốt hơn là sơ đồ do giáo viên xây dựng, sau đó giảng giải cho học sinh.

II.1.6. Kỹ thuật XYZ (Còn gọi là kỹ thuật 635)

Giới thiệu:

Kỹ thuật XYZ là một kỹ thuật làm việc nhóm nhằm phát huy tính tích cực của mỗi thành viên trong nhóm, trong đó mỗi nhóm có **X** thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra **Y** ý kiến trong khoảng thời gian **Z**. Mô hình thông thường mỗi nhóm có **6** thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra **3** ý kiến trong khoảng thời gian **5** phút, do vậy, kỹ thuật này còn gọi là kỹ thuật 635.



Dụng cụ:

- Giấy bút cho các thành viên.

Thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, quy định số lượng ý tưởng và thời gian theo đúng quy tắc XYZ.
- Các thành viên trình bày ý kiến của mình, hoặc gợi ý kiến về cho thư ký tổng hợp, sau đó tiến hành đánh giá và lựa chọn.

Lưu ý:

- Số lượng thành viên trong nhóm nên tuân thủ đúng quy tắc để tạo tính tương đồng về thời gian, giáo viên quy định thời gian và theo dõi thời gian cụ thể.

Ưu điểm:

- Tất cả các thành viên đều đưa ra ý kiến theo đúng quy định.

Hạn chế:

- Cần dành nhiều thời gian cho hoạt động nhóm, nhất là quá trình tổng hợp ý kiến và đánh giá ý kiến.

II.1.7. Kỹ thuật bể cá

Giới thiệu:

Kỹ thuật bể cá là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm thành viên ngồi giữa phòng và thảo luận với nhau, còn những thành viên khác ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những thành viên đang thảo luận.



Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. Các thành viên tham gia nhóm quan sát có thể thay nhau ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo luận “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau. [6]

Dụng cụ:

- Giấy bút cho các thành viên.

Thực hiện:

- Một nhóm trung tâm sẽ tiến hành thảo luận chủ đề của giáo viên đưa ra, các thành viên còn lại của lớp sẽ ngồi xung quanh, tập trung quan sát nhóm đang thảo luận.

Lưu ý:

Bảng câu hỏi cho những người quan sát

- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không ?
- Họ có nói một cách dễ hiểu không ?
- Họ có đề những người khác nói hay không ?
- Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không ?
- Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không ?
- Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không ?
- Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không ?

Ưu điểm:

- Vừa giải quyết được vấn đề, vừa phát triển kỹ năng quan sát và giao tiếp của người học.

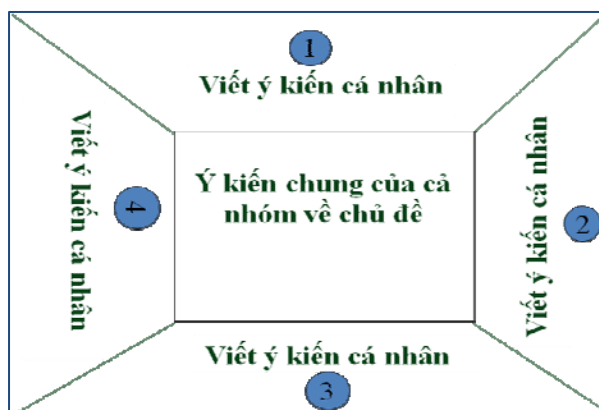
Hạn chế:

- Cần có không gian tương đối rộng.
- Nhóm trung tâm khi thảo luận cần có thiết bị âm thanh, hoặc cần phải nói to.
- Các thành viên quan sát có xu hướng không tập trung vào chủ đề thảo luận.

II.1.8. Kỹ thuật khăn phủ bàn

Giới thiệu:

Kỹ thuật "khăn phủ bàn" là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của người học và phát triển mô hình có sự tương tác giữa người học với người học.[1]



Dụng cụ:

- Bút và giấy khổ lớn cho mỗi nhóm.

Thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm, phân công nhóm trưởng, thư ký, giao vật tư.
- Giáo viên giao vấn đề, từng thành viên viết ý kiến của mình vào góc của tờ giấy. Nhóm trưởng và thư ký tổng hợp các ý kiến, đánh giá và lựa chọn những ý kiến quan trọng viết vào giữa tờ giấy.

Lưu ý:

- Mỗi thành viên làm việc tại góc riêng của mình.

Ưu điểm:

- Tăng cường tính độc lập và trách nhiệm của người học.

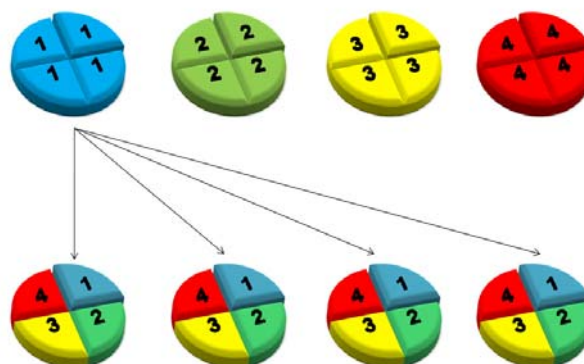
Hạn chế:

- Tốn kém chi phí và khó lưu trữ, sửa chữa kết quả.
- Nhóm có số thành viên 4 là tốt nhất.

II.1.9. Kỹ thuật mảnh ghép (Jigsaw)

Giới thiệu:

Là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực của học sinh, nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (Không chỉ nhận thức hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 1 mà còn phải truyền đạt kết quả và hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 2).

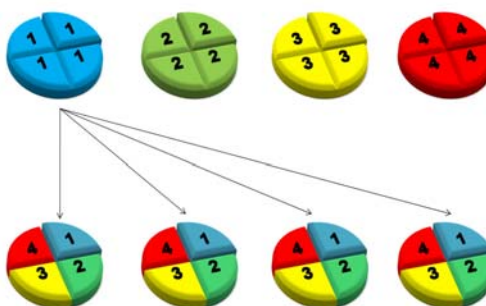


Dụng cụ:

- Giấy bút cho các thành viên.

Thực hiện:

- Giáo viên giao việc cho từng nhóm.
- Các nhóm tiến hành thảo luận và rút ra kết quả, đảm bảo từng thành viên của nhóm đều có khả năng trình bày kết quả của nhóm.
- Mỗi nhóm được tách ra và hình thành nhóm mới theo sơ đồ.



- Từng thành viên lần lượt trình bày kết quả thảo luận của mình.

Lưu ý:

Đảm bảo ở bước thảo luận đầu tiên, mọi thành viên đều có khả năng trình bày kết quả thảo luận của nhóm trước khi tiến hành tách nhóm.

Các chủ đề thảo luận cần được chọn lọc kỹ lưỡng, có tính độc lập với nhau, không có mối quan hệ ràng buộc “Nhân – quả” với nhau.

Ưu điểm:

Đào sâu kiến thức trong từng lĩnh vực.

Phát huy hiểu biết của học sinh và giải quyết những hiểu sai.

Phát triển tinh thần làm việc theo nhóm.

Phát huy trách nhiệm của từng cá nhân.

Hạn chế:

Kết quả thảo luận phụ thuộc vào vòng thảo luận thứ nhất, nếu vòng thảo luận này không có chất lượng thì cả hoạt động sẽ không có hiệu quả.

Nếu số lượng thành viên không được tính toán kỹ sẽ dẫn đến tình trạng nhóm thừa, nhóm thiếu.

II.1.10. Kỹ thuật ổ bi (Doughnut)

Giới thiệu:

Kỹ thuật ổ bi (Bánh vòng) là một kỹ thuật hoạt động nhóm đơn giản giúp học sinh có thể trao đổi với nhiều người trong một khoảng thời gian ngắn. Kỹ thuật này là tiền thân cho các hoạt động phức tạp hơn liên quan đến tổ chức hoạt động nhóm. Kỹ thuật này đôi khi còn được gọi là kỹ thuật “Inside – Outside Circle”.



Dụng cụ:

Hoạt động này phát triển kỹ năng nghe và nói nên không cần thiết sử dụng các dụng cụ hỗ trợ.

Thực hiện:

Khi tiến hành thảo luận, người ở vòng tròn trong sẽ thảo luận với người đối diện của mình ở vòng tròn ngoài, sau ít phút thảo luận, vòng tròn trong sẽ xoay chuyển theo chiều quy định, từ đó các cặp thảo luận sẽ có sự thay đổi.

Khi chuyển sang người thứ hai, học viên chia sẻ những phản hồi của mình về ý kiến mà mình vừa nhận được.

Lưu ý:

Học sinh làm việc nhóm đôi và tiến hành chia sẻ, đặt câu hỏi và ghi nhớ những gì đối tác đã nói.

Ai cũng phải chia sẻ thông tin và ý tưởng, sau đó đặt câu hỏi, có khả năng lặp lại hoặc tóm tắt lại những gì đã nói.

Ai cũng phải hoạt động tích cực, phát huy kỹ năng nghe và nói.

Có thể sử dụng cho nhiều chủ đề, nhiều lứa tuổi khác nhau.

Đặc biệt có hiệu quả khi đặt càng nhiều câu hỏi, với nhiều chủ đề, nhất là về toán và khoa học.

Ưu điểm:

Rất hữu dụng khi tổ chức vào đầu năm học hoặc vào những thời điểm học sinh có thể chia sẻ thông tin, sở thích, những việc đã làm v.v.

Nếu có thời gian, hoạt động này rất có ích với học sinh nhỏ, các em có thể chia sẻ và nói về những gì các em đã làm.

Rất hữu dụng khi dùng để ôn tập kiến thức.

Có thể dùng trong việc thành lập nhóm một cách ngẫu nhiên hoặc tùy biến khi số lượng thành viên hai vòng không bằng nhau, sau khi trao đổi, các em tách nhóm và tạo thành nhóm mới theo bán kính vòng tròn.

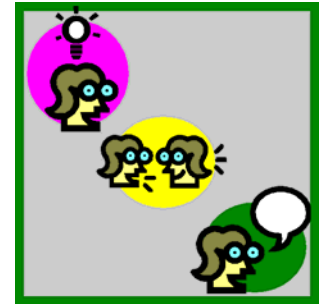
Hạn chế:

Cần có không gian rộng.

II.1.11. Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi (Think-Pair-Share)

Giới thiệu:

Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share) là một kỹ thuật do giáo sư Frank Lyman đại học Maryland giới thiệu năm 1981. Kỹ thuật này giới thiệu hoạt động làm việc nhóm đôi, phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề.



Dụng cụ:

Hoạt động này phát triển kỹ năng nghe và nói nên không cần thiết sử dụng các dụng cụ hỗ trợ.

Thực hiện:

Giáo viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở, dành thời gian để học sinh suy nghĩ.

Sau đó học sinh thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại.

Nhóm đôi này lại chia sẻ tiếp với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.

Lưu ý:

Điều quan trọng là người học chia sẻ được cả ý tưởng mà mình đã nhận được, thay vì chỉ chia sẻ ý kiến cá nhân.

Giáo viên cần làm mẫu hoặc giải thích.

Ưu điểm:

Thời gian suy nghĩ cho phép học sinh phát triển câu trả lời, có thời gian suy nghĩ tốt, học sinh sẽ phát triển được những câu trả lời tốt, biết lắng nghe, tóm tắt ý của bạn cùng nhóm.

Hạn chế:

Học sinh dễ dàng trao đổi những nội dung không liên quan đến bài học.

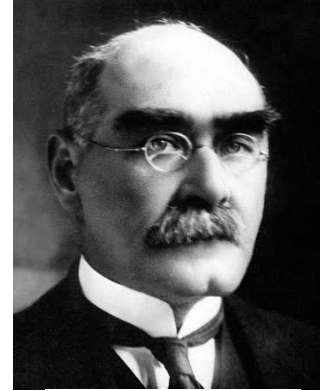
II.2. Các kỹ thuật tổ chức hoạt động cá nhân

II.2.1 Kỹ thuật Kipling (5W1H)

Giới thiệu:

Rudyard Kipling (1865 – 1936) là nhà thơ, nhà văn Anh nổi tiếng, tác giả quyển sách “Cậu bé rừng xanh” và rất nhiều bài thơ hay. Ông từng viết 4 câu thơ:

I have six honest serving men
They taught me all I knew
I call them **What** and **Where** and **When**
And **How** and **Why** and **Who**



Rudyard Kipling

Kỹ thuật này thường được dùng cho các trường hợp khi cần có thêm ý tưởng mới, hoặc xem xét nhiều khía cạnh của vấn đề, chọn lựa ý tưởng để phát triển. [5]

Dụng cụ:

- Giấy bút cho người tham gia.

Thực hiện:

Các câu hỏi được đưa ra theo thứ tự ngẫu nhiên hoặc theo một trật tự định ngẫm trước, với các từ khóa: Cái gì, Ở đâu, Khi nào, Thế nào, Tại sao, Ai.

Ví dụ: Vấn đề là gì?

Vấn đề xảy ra ở đâu?
Vấn đề xảy ra khi nào?
Tại sao vấn đề lại xảy ra?
Làm thế nào để giải quyết vấn đề?
Ai sẽ tham gia giải quyết vấn đề?
Khi nào thì vấn đề giải quyết xong?

Lưu ý:

- Các câu hỏi cần ngắn gọn, đi thẳng vào chủ đề.
- Các câu hỏi cần bám sát vào hệ thống từ khóa 5W1H (What, where, when, who, why, how).

Ưu điểm:

- Nhanh chóng, không mất thời gian, mang tính logic cao.
- Có thể áp dụng cho nhiều tình huống khác nhau.
- Có thể áp dụng cho cá nhân.

Hạn chế:

- Ít có sự phối hợp của các thành viên.
- Dễ dẫn đến tình trạng “9 người 10 ý”.
- Dễ tạo cảm giác “Bị điều tra”.

II.2.2. Kỹ thuật KWL

Giới thiệu:

KWL do Donna Ogle giới thiệu năm 1986, vốn là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc hiểu. Học sinh bắt đầu bằng việc động não tất cả những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột K của biểu đồ. Sau đó học sinh nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều các em muốn biết thêm trong chủ đề này. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Trong quá trình đọc hoặc sau khi đọc xong, các em sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột W, các thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột L.



Donna Ogle

Từ biểu đồ KWL, Ogle bổ sung thêm cột H ở sau cùng, với nội dung khuyến khích học sinh định hướng nghiên cứu. Sau khi học sinh đã hoàn tất nội dung ở cột L, các em có thể muốn tìm hiểu thêm về một thông tin. Các em sẽ nêu biện pháp để tìm thông tin mở rộng. Những biện pháp này sẽ được ghi nhận ở cột H.

Dụng cụ:

Bảng KWL (KWLH) dành cho học sinh.

Bảng KWL (KWLH) dành cho giáo viên.

Thực hiện:

Chọn bài đọc - Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả với các bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích.

Tạo bảng KWL - Giáo viên vẽ một bảng lên bảng, ngoài ra, mỗi học sinh cũng có một mẫu bảng của các em. Có thể sử dụng mẫu sau.

K	W	L

Đề nghị học sinh động não nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Cả giáo viên và học sinh cùng ghi nhận hoạt động này vào cột K. Hoạt động này kết thúc khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Tổ chức cho học sinh thảo luận về những gì các em đã ghi nhận.

Hỏi học sinh xem các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Cả giáo viên và học sinh ghi nhận câu hỏi vào cột W. Hoạt động này kết thúc khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Nếu học sinh trả lời bằng một câu phát biểu bình thường, hãy biến nó thành câu hỏi trước khi ghi nhận vào cột W.

Yêu cầu học sinh đọc và tự điền câu trả lời mà các em tìm được vào cột L. Trong quá trình đọc, học sinh cũng đồng thời tìm ra câu trả lời của các em và ghi nhận vào cột W. Học sinh có thể điền vào cột L trong khi đọc hoặc sau khi đã đọc xong.

Lưu ý:

Chuẩn bị những câu hỏi để giúp học sinh động não. Đôi khi để khởi động, học sinh cần nhiều hơn là chỉ đơn giản nói với các em : *“Hãy nói những gì các em đã biết về...”*

Khuyến khích học sinh giải thích. Điều này rất quan trọng vì đôi khi những điều các em nêu ra có thể là mơ hồ hoặc không bình thường.

Hỏi những câu hỏi tiếp nối và gợi mở. Nếu chỉ hỏi các em : “*Các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề này?*” - đôi khi học sinh trả lời đơn giản “*không biết*”, vì các em chưa có ý tưởng.

Chuẩn bị sẵn một số câu hỏi của riêng bạn để bổ sung vào cột W. Có thể bạn mong muốn học sinh tập trung vào những ý tưởng nào đó, trong khi các câu hỏi của học sinh lại không mấy liên quan đến ý tưởng chủ đạo của bài đọc. Chú ý là không được thêm quá nhiều câu hỏi của bạn. Thành phần chính trong cột W vẫn là những câu hỏi của học sinh.

Ngoài việc bổ sung câu trả lời, khuyến khích học sinh ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, có thể đề nghị các em đánh dấu những ý tưởng của các em.

Khuyến khích học sinh nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời từ bài đọc.

Ưu điểm:

Tạo hứng thú học tập cho học sinh, khi những điều các em cần học có liên quan trực tiếp đến nhu cầu về kiến thức của các em.

Giúp học sinh dần dần hình thành khả năng tự định hướng học tập, nắm được cách học không chỉ cho môn đọc hiểu mà cho các môn học khác.

Giúp giáo viên và học sinh tự đánh giá kết quả học tập, định hướng cho các hoạt động học tập kế tiếp.

Hạn chế:

Sơ đồ cần phải được lưu trữ cẩn thận sau khi hoàn thành hai bước K và W, vì bước L có thể sẽ phải mất một thời gian dài mới có thể tiếp tục thực hiện.

II.2.3. Kỹ thuật 3-2-1

Giới thiệu:

Đây là một kỹ thuật nhằm giúp học sinh tổng kết các ý tưởng trọng tâm, sau đó đầu tư thêm suy nghĩ vào những ý tưởng hấp dẫn các em, từ đó đưa ra một câu hỏi về một điểm nào đó các em chưa thực sự nắm vững. Từ kết quả này, giáo viên có thể tổng hợp kết quả thông qua các hình thức sơ đồ hoặc biểu đồ Venn, hoặc biểu đồ nguyên nhân – kết quả.



Dụng cụ:

Giấy bút cho người tham gia.

Thực hiện:

Sau khi học xong một nội dung, học sinh được yêu cầu đưa ra ý kiến về:

3 điều mà học sinh vừa học, 2 điều mà các em thấy hay, 1 câu hỏi về vấn đề mà các em chưa rõ.

Lưu ý:

Tùy theo môn dạy, giáo viên có thể thay đổi nội dung sơ đồ, ví dụ có thể yêu cầu các em viết về ba điểm khác biệt, hai điểm giống nhau và một câu hỏi, hoặc 3 câu hỏi, 2 nhận xét và 1 lời đề nghị.

Ưu điểm:

Giúp học sinh tìm ra trọng tâm bài học, xác định mối liên hệ giữa kiến thức và bản thân người học.

Hạn chế:

Cần dành nhiều thời gian để học sinh làm việc cá nhân, đôi khi phải sang đến ngày hôm sau thì kết quả mới thực sự có chất lượng.

II.2.4. Kỹ thuật động não ABC

Giới thiệu:

Trước khi yêu cầu học sinh thảo luận về một chủ đề quan trọng, giáo viên nên kích hoạt những kiến thức có sẵn của các em. Một trong những hình thức kích hoạt là sử dụng kỹ thuật động não ABC. Học sinh sẽ nghĩ đến những từ ngữ có liên quan đến chủ đề thảo luận, theo trình tự ABC.



Dụng cụ:

Giấy bút cho người tham gia.

Thực hiện:

Đề nghị học sinh liệt kê bảng chữ cái theo hàng dọc từ trên xuống dưới (Hoặc giáo viên in sẵn cho học sinh).

Đề nghị học sinh làm việc cá nhân và điền vào các từ có liên quan đến chủ đề cần thảo luận, sau khi làm việc cá nhân, học sinh làm việc nhóm đôi và chia sẻ lẫn nhau các từ các em tìm được, cố gắng hoàn tất cả bảng chữ cái.

Lưu ý:

Chủ đề cần rộng để học sinh suy nghĩ.

Khuyến khích học sinh hoàn thành tất cả bảng chữ cái bằng cách chia sẻ nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

Ưu điểm:

Giúp học sinh động não kiến thức các em đã có về chủ đề sắp được học.

Hạn chế:

Không thể sử dụng với những chủ đề quá mới mẻ với học sinh.

II.3. Các kỹ thuật tổ chức thu thập thông tin phản hồi

II.3.1. Kỹ thuật 3 lần 3

Giới thiệu:

Sau khi hoàn tất nội dung cần triển khai cho người học, giáo viên có thể tiến hành thu thập thông tin phản hồi thông qua kỹ thuật 3 lần 3.



Dụng cụ:

Giấy bút cho người tham gia.

Thực hiện:

Đề nghị người học cho biết ý kiến phản hồi theo quy tắc:

3 điều tốt (đạt được, thực hiện được) sau bài học.

3 điều chưa tốt (đạt được, thực hiện được) sau bài học.

3 ý kiến góp ý.

Lưu ý:

Mỗi người tự hoàn thành phiếu phản hồi của mình, không tham khảo người khác.

Phiếu phản hồi không được yêu cầu thông tin cá nhân của người học (Họ tên v.v.)

Ưu điểm:

Giúp người học nhìn lại đầy đủ nội dung đã học, có khả năng nhận xét, đánh giá.

Hạn chế:

Có thể có những ý kiến khác ngoài 3 nội dung nêu trên, nhưng người học không trình bày được.

Người học có xu hướng “làm cho xong” sau một thời gian dài tập trung học tập, do đó kết quả phản hồi sẽ không có chất lượng cao.

II.3.2. Kỹ thuật khảo sát (Survey)

Giới thiệu:

Sau khi hoàn tất nội dung cần triển khai cho người học, giáo viên có thể tiến hành thu thập thông tin phản hồi thông qua kỹ thuật khảo sát - phiếu khảo sát.



Dụng cụ:

Các phiếu khảo sát chuẩn bị sẵn cho người học.

Thực hiện:

Giáo viên chủ động xây dựng phiếu khảo sát, trong đó đưa ra một số câu hỏi và tùy chọn trả lời theo hình thức trắc nghiệm.

Có thể dùng công cụ phiếu phản hồi trực tuyến tại www.surveymonkey.com

Lưu ý:

Phần lớn các câu trả lời cần được soạn sẵn, người học chỉ việc đánh dấu chọn.

Hạn chế các câu hỏi đòi hỏi người học phải viết ra câu trả lời.

Phiếu phản hồi không được yêu cầu thông tin cá nhân của người học (Họ tên v.v.)

Ưu điểm:

Nhanh chóng, không mất nhiều thời gian thực hiện.

Có kết quả phản hồi đáp ứng đúng nhu cầu thông tin của giáo viên.

Hạn chế:

Cần có thời gian tổng hợp ý kiến.

Chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của giáo viên, chưa đáp ứng tốt nhu cầu xem lại nội dung học tập của người học.

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực*, NXB Đại học sư phạm.
- [2]. Bộ giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông (2009) – *Chỉ đạo chuyên môn giáo dục trường trung học phổ thông*, Hà Nội, 2009
- [3]. Intel (2007), *Khoá học khởi đầu*, Copyright © 2007 Intel Corporation. All rights reserved. Intel, the Intel logo, Intel Education Initiative, and Intel Teach Program are trademarks of Intel Corporation in the U.S. and other countries.
- [4]. <http://www.brainstorming.co.uk/tutorials/historyofbrainstorming.html>
- [5]. http://creatingminds.org/tools/tools_all.htm
- [6]. Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier – Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông (2010), *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường Trung học phổ thông*, Berlin - Hà Nội 2010
- [7]. http://pzweb.harvard.edu/vt/VisibleThinking_html_files/03_ThinkingRoutines/03d_UnderstandingRoutines/ThinkPairShare/ThinkPairShare_Routine.html
- [8]. http://www.eazhull.org.uk/nlc/think,_pair,_share.htm
- [9]. Ogle, D.M. (1986). K-W-L: A teaching model that develops active reading of expository text. *Reading Teacher*, 39, 564-570
- [10]. <http://www.readingquest.org/strat/home.html>
- [11]. <http://www.surveymonkey.com>